

Bản án số: 05/2021/KDTM-ST

Ngày: 24-5-2021.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Định.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Phước

Ông Đỗ Ngọc Cận

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Bảo Quốc-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thúy Trang-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 95/2020/TLST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**- *Nguyên đơn:*** Ngân hàng A (sau đây viết tắt là Ngân hàng A); Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B, Hà Nội.

***Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:*** Ông Tiết Gia T-Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Bà Bùi Thị Thu T-Giám đốc Phòng Giao dịch K Ngân hàng A. (có mặt)

**- *Bị đơn:*** Bà Hà Thị Bạch Y; Địa chỉ: Số 73 đường Q, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Ngô Văn T; Địa chỉ: Số 73 Q, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 20-4-2020 của nguyên đơn Ngân hàng A cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 03-3-2010, bà Hà Thị Bạch Y có vay vốn của Ngân hàng A-Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng với số tiền 150.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 10.3.29/HĐTD ngày 03-3-2010, lãi suất 12%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh khi lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tăng hoặc phí sử dụng vốn của trung ương tăng thì lãi suất cho vay cũng được điều chỉnh tăng tương ứng và đồng thời được chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thông báo bằng văn bản cho bên vay và có hiệu lực kể từ ngày ký thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay đã ghi trên hợp đồng tín dụng và có giá trị như phục lục hợp đồng tín dụng, lãi suất nợ quá hạn 110% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn kinh doanh ăn uống; thời gian cho vay 12 tháng.

Sau khi vay vốn bà Y chỉ đóng tiền lãi được 10.573.333 đồng còn tiền vốn đến nay chưa thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến thời điểm ngày 24-5-2021, bà Y còn nợ số tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi của hợp đồng tín dụng trên được điều chỉnh về một mức là 9,5%/ năm kể ngày 08-9-2010 đến ngày 24-5-2021 là 154.850.000 đồng.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên, bà Hà Thị Bạch Y và ông Ngô Văn T thế chấp cho Ngân hàng tài sản sau là Quyền sử dụng đất số U 398357, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 14, diện tích là 100m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S cấp cho hộ bà Hà Thị Bạch Y vào ngày 17-01-2002. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 9.2.0124/HĐTC ngày 23-02-2009 đã được ký giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và bà Hà Thị Bạch Y, ông Ngô Văn T.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Buộc bà Hà Thị Bạch Y trả cho Ngân hàng A số tiền tổng cộng là 304.850.000 đồng. Trong đó số tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi được tính ngày 08-9-2010 đến ngày 24-5-2021 là 154.850.000 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong hết tất cả tiền vay.

Nếu trường hợp bà Y không trả được nợ nêu trên, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố S phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số U 398357, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 14, diện tích là 100m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S cấp cho hộ bà Hà Thị Bạch Y vào ngày 17-01-2002. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 9.2.0124/HĐTC ngày 23-02-2009 đã được ký giữa Ngân hàng A và bà Hà Thị Bạch Y, ông Ngô Văn T. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 9.2.0124/HĐTC ngày 23-02-2009 đã được ký giữa Ngân hàng A và bà Hà Thị Bạch Y, ông Ngô Văn T theo quy định của pháp luật và bà Y trả mọi khoản phí thi hành án. Nếu phát sinh lãi quá hạn thì tính theo hợp đồng tín dụng.

Đối với bị đơn, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ nhưng bị đơn không có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án có gửi Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải vụ án hai lần nhưng bị đơn vẫn không tham gia và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là bà Hà Thị Bạch Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Y và ông Thạch.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết : Ngân hàng A đã ký Hợp đồng tín dụng số 10.3.29/HĐTD ngày 03-3-2010 với bà Hà Thị Bạch Y có địa chỉ tại Số 73 đường Quốc lộ 1, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Y trả số tiền nợ tổng cộng là 304.850.000 đồng. Xét thấy, đây là hoạt động thương mại thông qua hình thức hợp đồng tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với cá nhân đều nhằm mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại hợp đồng tín dụng và Tòa án nhân dân thành phố S đã thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, khi thụ lý vụ án Tòa án xác định là vụ án dân sự là chưa phù hợp nên cần xác định lại là vụ án kinh doanh thương mại.

[3]. Đối với bị đơn là bà Hà Thị Bạch Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn T sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Y và ông T nhưng bà Y và ông Thạch không có kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra chứng cứ, không tham gia phiên họp mà không có lý do chính đáng nên điều này cho thấy bà Y và ông T đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như ý

kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp có giá trị dùng làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1]. Về hợp đồng tín dụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng A đã cung cấp Hợp đồng tín dụng số 10.3.29/15/HĐTD ngày 03-3-2010 có chữ ký và chữ viết của bà Hà Thị Bạch Y thể hiện là người vay tiền của ngân hàng, đây được xem là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp pháp theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nên có đủ căn cứ xác định giữa bà Y với Ngân hàng A thực tế có giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, về hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định pháp luật và lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 10.3.29/15/HĐTD ngày 03-3-2010 có giá trị pháp lý, các đương sự đều có quyền và nghĩa vụ như nhau khi ký kết hợp đồng nên các bên phải thực hiện theo đúng nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 10.3.29/15/HĐTD ngày 03-3-2010 thì Ngân hàng cho bà Y vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh khi lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tăng hoặc phí sử dụng vốn của trung ương tăng thì lãi suất cho vay cũng được điều chỉnh tăng tương ứng và đồng thời được chi nhánh Ngân hàng A thông báo bằng văn bản cho bên vay và có hiệu lực kể từ ngày ký thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay đã ghi trên hợp đồng tín dụng và có giá trị như phục lục hợp đồng tín dụng, lãi suất nợ quá hạn 110% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn kinh doanh ăn uống; thời gian cho vay 12 tháng. Sau khi vay vốn bà Y chỉ đóng tiền lãi được 10.573.333 đồng còn tiền vốn đến nay chưa thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến thời điểm ngày 24-5-2021 cho đến nay bà Y không thực hiện nghĩa trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng nên đã vi phạm Điều 3, Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 10.3.29/15/HĐTD ngày 03-3-2010. Do đó, Ngân hàng A có quyền yêu cầu bà Y trả nợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng; Điều 5, Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 10.3.29/15/HĐTD ngày 03-3-2010.

Xét việc Ngân hàng A yêu cầu bà Y phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng số tiền nợ tổng cộng là 304.850.000 đồng. Trong đó số tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi được tính ngày 08-9-2010 đến ngày 24-5-2021 là 154.850.000 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 25-5-2021 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ là hoàn toàn phù hợp theo

quy định tại Điều 91 của Luật Tổ chức Tín dụng và Điều 11, điểm c Khoản 2 Điều 24, điểm d Khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (đã được sửa đổi, bổ sung).

[4.3]. Về lãi suất: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 9,5%/ năm kể ngày 08-9-2010 đến ngày 24-5-2021 là 154.850.000 đồng. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng là phù hợp với Điều 91 của Luật các Tổ chức Tín dụng và quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng nên bà Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi tính đến ngày 24-5-2021 là 154.850.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25-5-2021 theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

[4.3]. Về xử tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho khoản nợ vay thì bà Y và ông T đã Hợp đồng thế chấp tài sản số 9.2.0124/HĐTC ngày 23-02-2009 thế chấp Quyền sử dụng đất số U 398357, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 14, diện tích là 100m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S cấp cho hộ bà Hà Thị Bạch Y vào ngày 17-01-2002, việc có giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, về hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định pháp luật, việc thế chấp cũng đã có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Mặt khác, tại Công văn số 261/UBND-HC ngày 22-02-2021 của Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xác định Quyền sử dụng đất số U 398357, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 14, diện tích là 100m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S cấp vào ngày 17-01-2002 là cho cá nhân bà Hà Thị Bạch Y. Nay Ngân hàng yêu cầu nếu trường hợp bà Y không trả được nợ nêu trên thì phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 9.2.0124/HĐTC ngày 23-02-2009 đã được ký giữa Ngân hàng với bà Y và ông T là phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Tại phiên Tòa, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh sơ thẩm. Bị đơn Y phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7]. Về chi phí thẩm định tại chỗ là 950.000 đồng, Ngân hàng A tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp xong.

*Vì các lẽ trên,*



## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 323; Điều 342; Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.
2. Buộc bà Hà Thị Bạch Y có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền vốn và lãi vay là 304.850.000 đồng, trong đó gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi được tính từ ngày 08-9-2010 đến ngày 24-5-2021 là 154.850.000 đồng.

Kể từ ngày 25-5-2021 bà Hà Thị Bạch Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Y phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A.

3. Khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Hà Thị Bạch Y không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số U 398357, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 14, diện tích là 100m<sup>2</sup> do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S cấp cho hộ bà Hà Thị Bạch Y vào ngày 17-01-2002. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 9.2.0124/HĐTC ngày 23-02-2009 đã được ký giữa Ngân hàng A với bà Hà Thị Bạch Y và ông Ngô Văn T.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Hà Thị Bạch Y phải chịu số tiền 15.242.500 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.391.000 đồng theo biên lai thu số 0001929 ngày 27-5-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về chi phí thẩm định tại chỗ là 950.000 đồng, Ngân hàng A tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp xong.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Quốc Định**

